TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/KDTM-PT
Ngày: 30/8/2024
V/v: "Tranh chấp HĐ mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo.

Bà Đỗ Thị Nhung.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lưu Tuấn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:* Bà Nguyễn Ngọc Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Từ ngày 26 tháng 8 năm 2024 đến ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/KDTM-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH N.

Địa chỉ: Tầng T, tòa nhà T, số D, Trịnh Đình T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Thùy D – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1988.
2. Ông Nguyễn Thiện H, sinh năm 1984.
3. Ông Vũ Nhật T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ liên lạc: Số B, quốc lộ A, khu phố Đ, phường Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần H1.

Địa chỉ: KCN B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sử Chấn Cao C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: F T, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

(ông H, ông T1, ông C có mặt; ông Đ có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần H1. Ngày 10/8/2021, giữa hai Công ty có ký hợp đồng mua bán số 31/BH-PVN/2021, nội dung Công ty N bán cho Công ty Cổ phần H1 nguyên liệu thực phẩm tên Premix M for sugar bổ sung khoáng chất cho đường, Xuất xứ: Hexagon Nutrition Á, đóng gói 20kg/bao, số lượng 5.000kg với đơn giá 1.138.500.000đ (đã bao gồm thuế GTGT). Ngày 26/10/2021, hai bên ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh tên nguyên liệu sang tên thương mại là Fortivit-CNF-031 (P for sugar bổ sung khoáng chất cho đường), Xuất xứ: Hexagon N Ấn Độ, đóng gói 20kg/bao.

Công ty N đã thực hiện giao hàng lần 1 với số lượng 2.000kg và Công ty Cổ phần H1 đã thanh toán cho đợt hàng này.

Ngày 24/10/2022, Công ty N tiếp tục giao hàng đợt 2 số lượng 2.970kg (không bao gồm 30kg nguyên liệu thực phẩm làm mẫu) cho Công ty Cổ phần H1. Công ty N đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị 661.737.600đ và gửi đến Công ty Cổ phần H1. Tuy nhiên, từ khi gửi hóa đơn, Công ty Cổ phần H1 vẫn chưa thanh toán đơn hàng cho Công ty N.

Do đó, Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần H1 thanh toán cho Công ty N số tiền hàng 661.737.600đ và tiền phạt chậm trả mức 0.05%/ngày từ ngày 01/11/2022 đến ngày 14/4/2023 là 54.593.352đ. Tổng cộng 716.330.952đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần H1 thanh toán cho Công ty N số tiền hàng 661.737.600đ và tiền phạt chậm trả là 8% giá trị hợp đồng là 52.939.008đ. Tổng cộng 714.676.608đ.

Tại đơn bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty Cổ phần H1 và Công ty N có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa như Công ty N trình bày.

Tuy nhiên, ngày 24/10/2022 Công ty N giao 2.970kg hàng hóa thì Công ty Cổ phần H1 nhận thấy hàng bị lỗi. Do đó, ngày 25/10/2022, hai bên đã tổ chức làm việc thông báo việc hàng hóa bị lỗi. Ngày 03/11/2022, các bên tiếp tục làm việc thống nhất hàng bị lỗi và không thể đưa vào sản xuất, Công ty Cổ phần H1 đã yêu cầu Công ty Premier đổi lại lô hàng khác. Ngày 11/11/2022, các bên làm việc thống nhất phương án xử lý, theo đó, Công ty Cổ phần H1 sẽ chạy thử 400kg đường để đánh giá mức độ mùi và chất lượng thành phẩm, Công ty N cam kết trong thời hạn sử dụng không phát sinh mùi lạ, nếu có thì mọi chi phí phát sinh do Công ty N trả. Sau khi đưa vào sản xuất thử nghiệm 400kg vẫn phát sinh mùi và không thể sử dụng, Công ty Cổ phần H1 đã gửi email thông báo cho Công ty N. Ngày 11/01/2023, các bên làm việc để tìm phương án giải quyết sự việc nhưng chưa thống nhất.

Như vậy, do hàng hóa Công ty N cung cấp cho Công ty Cổ phần H1 là bị lỗi nên Công ty Cổ phần H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 50, Điều 300, 301 Luật Thương mại;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" đối với bị đơn Công ty Cổ phần H1.

Buộc Công ty Cổ phần H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền 714.676.608đ (bảy trăm mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ tám đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N với bị đơn Công ty Cổ phần H1 đối với yêu cầu thanh toán một phần phạt vi phạm hợp đồng.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 01/02/2024, Công ty CP H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không rút đơn kháng cáo.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn và bị đơn, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, việc thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt niêm yết cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn Công ty CP H1 làm đơn kháng cáo trong thời hạn nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 60% giá trị hàng hoá, còn số

hàng hoá tồn kho bên bị đơn sẽ tự tiêu huỷ. Xét thấy việc thoả thuận với nhau về việc giải quyết của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về hợp đồng dân sự là không phù hợp. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh với nhau, thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại nên cần áp dụng khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện, Công ty N yêu cầu Công ty H1 trả số tiền phạt chậm trả theo mức mức 0,05%/ngày trễ hạn trên số ngày trễ hạn theo thoả thuận tại Điều 6.2 hợp đồng mua bán và tính đến ngày 14/4/2023 là 54.593.352đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị hợp đồng là 52.939.008đ nên thuộc trường hợp thay đổi yêu một phần cầu khởi kiện.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại phiên toà ngày 30/8/2024, hai bên đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Công ty Cổ phần H1 đồng ý thanh toán cho Công ty N 60% giá trị hàng hoá, tương ứng 397.042.560 đồng (làm tròn thành 397.042.000 đồng) và tự nguyện cam kết chịu trách nhiệm tiêu huỷ toàn bộ hàng hoá đã mua của Công ty N do không đảm bảo chất lượng. Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[5] Về án phí:

Công ty H1 phải nộp 19.852.000đ án phí KDTM sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên Công ty H1 không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty H1 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, 307, 308, 309, 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai do khách quan.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 34, 50, 55, 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự.

1. Công ty CP H1 có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền 397.042.560 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí KDTM:

Công ty CP H1 phải nộp 19.852.000đ án phí KDTM sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.327.000đ (mười sáu triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 07508 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Công ty H1 không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty H1 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0002467 ngày 19/02/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hoà.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND T.Đồng Nai;
- TAND TP Biên Hoà;
- Chi cục THADS TP Biên Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Trung